CÁC ĐIỀU KIỆN ĐƯỢC HƯỞNG CHẾ ĐỘ CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU THEO QUY ĐỊNH TẠI CHỈ THỊ 2004/38/CE CỦA NGHỊ VIỆN VÀ HỘI ĐỒNG CHÂU ÂU NGÀY 29/04/2004

Một số thân nhân nhất định của công dân Tây Ban Nha, công dân các nước thuộc Liên minh Châu Âu, Na Uy, Ai-xơ-len, Liechtenstein và Thụy Sĩ, có quyền được đi lại và cư trú tự do trong lãnh thổ của các nước thành viên Liên minh Châu Âu và được tạo mọi điều kiện để được cấp thị thực cần thiết

Những người xin thị thực muốn được áp dụng chế độ của Chỉ thị cần phải đạt đủ ba yêu cầu sau:

1. Có **mối quan hệ gia đình** với một **công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị nằm trong chế độ được áp dụng của Chỉ thị này.** Những công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị thuộc diện được áp dụng của Chỉ thị này bao gồm**:**
   1.1. Công dân các Nước thành viên Liên minh Châu Âu và công dân các nước Na-uy, Ai-xơ-len, Liechtenstein và Thụy Sỹ với điều kiện đang cư trú tại một nước khác với nước của mình.
   1.2. Công dân Tây Ban Nha, kể cả khi đang sinh sống tại Tây Ban Nha.
2. Mối **quan hệ gia đình** với các công dân được áp dụng trong Chỉ thị là mối quan hệ rơi vào một trong các trường hợp sau:
   2.1. vợ/chồng với điều kiện không có thỏa thuận hay tuyên bố hủy hiệu lực của quan hệ hôn nhân hay ly hôn. Người xin thị thực hiện đang ly thân, trên thực tế hoặc trên giấy tờ hợp pháp, với một công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị, vẫn được coi là "vợ" hoặc "chồng" và vì vậy có đầy đủ quyền được áp dụng quy định của Chỉ thị
   2.2. Người có đăng ký quan hệ chung sống như vợ hoặc chồng với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị.
   2.3. con dưới 21 tuổi, hoặc con trên 21 tuổi nhưng sống phụ thuộc, hoặc bị tàn tật, không chỉ của riêng công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị mà còn của vợ/chồng hoặc người có quan hệ chung sống như vợ hoặc chồng của công dân này, với điều kiện không có thỏa thuận hay tuyên bố hủy hiệu lực của quan hệ hôn nhân hay ly hôn.
   2.4. bố mẹ sống phụ thuộc vào công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị hay vào vợ/chồng hoặc người có quan hệ chung sống như vợ/chồng của công dân này, với điều kiện không có thỏa thuận hay tuyên bố hủy hiệu lực của quan hệ hôn nhân hay ly hôn.
   2.5. Gia đình mở rộng:
      2.5.1. Thành viên gia đình của công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị không phải là một trong những trường hợp đã liệt kê ở trên mà tại thời điểm nộp đơn xin thị thực, có thể chứng minh được một trong các điều kiện sau:
         2.5.1.1. Chứng minh rằng ở nước sở tại, người xin thị thực là người sống phụ thuộc hoặc sống chung với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị
         2.5.1.2. Chứng minh rằng, vì các lý do nghiêm trọng về mặt sức khỏe hoặc khuyết tật của người xin thị thực, công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị nhất thiết phải tự mình chăm sóc người xin thị thực.
      2.5.2. Người có quan hệ sống chung như vợ chồng với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị nhưng không đăng ký
3. Người xin thị thực **đi kèm công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị hoặc đoàn tụ với người này** tại nơi cư trú.

CÁC GIẤY TỜ CẦN NỘP ĐỂ XIN THỊ THỰC THEO CHẾ ĐỘ CỘNG ĐỒNG CHÂU ÂU

Thị thực theo chế độ cộng đồng châu Âu được xử lý ưu tiên và miễn lệ phí thị thực.

Ở những khu vực lãnh sự có trung tâm tiếp nhận thị thực của nhà cung cấp dịch vụ ngoài thì đương sự có thể lựa chọn nộp đơn trực tiếp tại Cơ quan Đại diện Ngoại giao hoặc Lãnh sự của Tây Ban Nha, hoặc tại trung tâm tiếp nhận thị thực của nhà cung cấp dịch vụ ngoài. Nếu lựa chọn nộp đơn tại trung tâm tiếp nhận thị thực (https://vietnam.blsspainvisa.com/spanish/index.php) thì đương đơn sẽ phải nộp lệ phí dịch vụ và có thể tự nguyện lựa chọn một số dịch vụ thêm và trả phí thêm cho các dịch vụ này.

Kể từ ngày 6/11/2020, văn phòng tiếp nhận thị thực của BLS tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh tạm thời đóng cửa cho tới khi có thông báo mới. Trong thời gian này, tất cả các đơn xin thị thực cần được đặt hẹn trước qua hòm thư emb.hanoi.vis@maec.es của Đại sứ quán Tây Ban Nha.

1. **Bản sao Chứng minh thư hoặc hộ chiếu** của công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị (công dân các Nước thành viên Liên minh Châu Âu và công dân các nước Na-uy, Ai-xơ-len, Liechtenstein và Thụy Sỹ với điều kiện đang cư trú tại một nước khác với nước của mình hoặc công dân Tây Ban Nha).

2. **Chứng minh quan hệ gia đình** của công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị :

2.1. Vợ/chồng

2.1.1. Nếu là vợ/chồng của công dân Tây Ban Nha:

2.1.1.1. **Bản sao giấy chứng nhận kết hôn (**copia literal de matrimonio) do cơ quan hộ tịch của Tây Ban Nha cấp.

2.1.1.2. Ngoài ra, trong trường hợp người xin thị thực đã kết hôn hoặc đã từng chung sống như vợ/chồng với người khác trước đó thì phải nộp thêm **án ly hôn** hoặc **giấy chứng nhận hủy đăng ký sống chung** tại cơ quan đăng ký hôn nhân thực tế tương ứng

2.1.2. Nếu vợ/chồng của người xin thị thực không phải là công dân Tây Ban Nha mà là công dân của một nước thành viên cộng đồng châu Âu khác hoặc công dân Na Uy, Ai-xơ-len, Liechtenstein hoặc Thụy Sĩ:

2.1.2.1. nếu kết hôn tại chính nước của mình (ví dụ: việc kết hôn với công dân Na Uy được tổ chức tại Na Uy):

2.1.2.1.1. **giấy chứng nhận kết hôn chính thức do nước đó cấp**.

2.1.2.1.2. Ngoài ra, trong trường hợp người xin thị thực đã kết hôn hoặc đã từng chung sống như vợ/chồng với người khác trước đó thì phải nộp thêm **án ly hôn** hoặc **giấy chứng nhận hủy đăng ký sống chung** tại cơ quan đăng ký hôn nhân thực tế tương ứng

2.1.2.2. nếu tổ chức kết hôn trước một cơ quan có thẩm quyền của một nước khác (ví dụ: việc kết hôn với công dân Hy Lạp được tổ chức tại Ma-rốc):

2.1.2.2.1. **giấy chứng nhận kết hôn chính thức do nước đó cấp**. Tuy nhiên, Đại sứ quán sẽ kiểm tra tính xác thực của các thông tin được cung cấp thông qua việc yêu cầu thêm bất kỳ chứng minh nào mà Đại sứ quán cảm thấy cần thiết và/hoặc yêu cầu phỏng vấn.

2.1.2.2.2. Ngoài ra, trong trường hợp người xin thị thực đã kết hôn hoặc đã từng chung sống như vợ/chồng với người khác trước đó thì phải nộp thêm **án ly hôn** hoặc **giấy chứng nhận hủy đăng ký sống chung** tại cơ quan đăng ký hôn nhân thực tế tương ứng.

2.2. Người có đăng ký sống chung như vơ/chồng:

2.2.1. **Giấy chứng nhận đăng ký** tại cơ quan đăng ký hôn nhân thực tế của một nước thành viên thuộc diện áp dụng của Chỉ thị, với điều kiện chưa hủy việc đăng ký sống chung này (cần phải có giấy tờ chứng minh tương ứng)

2.2.2. Ngoài ra, trong trường hợp người xin thị thực đã kết hôn hoặc đã từng chung sống như vợ/chồng với người khác trước đó thì phải nộp thêm **án ly hôn** hoặc **giấy chứng nhận hủy đăng ký sống chung** tại cơ quan đăng ký hôn nhân thực tế tương ứng

2.3. Con đẻ - con nuôi:

2.3.1. Giấy khai sinh của người xin thị thực.

2.3.2. Đối với trẻ vị thành niên: Văn bản đồng ý của người bố/mẹ không đi cùng người xin thị thực, cho phép người này được đi lại, không giới hạn về mặt thời gian cũng như địa lý, để lưu trú trong một thời gian ngắn cũng như để định cư tại nơi khác với người bố/mẹ còn lại.

2.3.3. Ngoài ra, nếu người xin thị thực trên 21 tuổi: **giấy tờ chứng minh việc phụ thuộc kinh tế hoặc phụ thuộc vì lý do bệnh nặng hay khuyết tật** vào công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị.

2.3.3.1. **Phụ thuộc kinh tế**: Chứng minh rằng, ít nhất trong vòng một năm trở lại đây, công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị hoặc vợ/chồng/người có quan hệ chung sống như vợ/chồng của công dân này, đã chuyển khoản hoặc đã chi trả chi phí cho người xin thị thực với số tiền đủ để hiểu rằng trên thực tế có sự phụ thuộc về kinh tế. Việc phụ thuộc này phải mang tính **thiết yếu** và vì vậy những trợ giúp kinh tế thi thoảng và không thường xuyên sẽ không được tính đến. Việc phụ thuộc này cũng phải xảy ra tại thời điểm nộp đơn xin thị thực.

Cam kết đơn thuần của công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị hoặc của vợ/chồng hay người sống chung như vợ/chồng của người này về việc sẽ chịu mọi trách nhiệm kinh tế đối với người xin thị thực không chứng minh được là sự phụ thuộc kinh tế trên thực tế và vì vậy là không đủ.

Những cách chứng minh sự phụ thuộc kinh tế thường gặp nhất là việc chuyển tiền hoặc chuyển khoản ngân hàng. Có thể hiểu rằng người xin thị thực có phụ thuộc kinh tế đối với công dân cộng động châu Âu nếu chứng minh được rằng ít nhất trong vòng một năm trở lại đây đã chuyển tiền hoặc đã chi trả cho người xin thực thực một khoản ít nhất bằng 51% chỉ số GDP bình quân đầu người của Việt Nam (*năm 2019, GDP bình quân đầu người của Việt Nam là 2.776$).*

Trong mọi trường hợp, việc gửi tiền không phải là đủ để chứng minh việc phụ thuộc kinh tế, vì các khoản chuyển tiền có thể có nhiều lý do và không nhất thiết là để chi trả các khoản chi tối thiểu hay chỉ chuyển tiền nhằm mục đích chứng minh không trung thực việc phụ thuộc kinh tế. **Để đánh giá việc phụ thuộc kinh tế, Đại sứ quán sẽ luôn xem xét tình trạng kinh tế và xã hội và các hoàn cảnh cá nhân của thân nhân phụ thuộc** (*chứng minh thu nhập, tình*

trạng công việc, tài sản sở hữu hay tài sản cho thuê, có thân nhân khác ở cùng nước cư trú hay không và hoàn cảnh kinh tế của những người này, mối quan hệ mật thiết với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị để xác định việc cần thiết phải đoàn tụ tại Tây Ban Nha với công dân này, ngày bắt đầu chịu phụ thuộc kinh tế với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị và lý do tại sao lại phụ thuộc bắt đầu từ ngày đó và trước ngày đó thì làm thế nào để có thể chi trả các nhu cầu tối thiểu, v.v.)

2.3.3.2. **Phụ thuộc vì lý do nghiêm trọng về mặt sức khỏe hoặc khuyết tật**: Các giấy tờ chứng minh được rằng vì các lý do nghiêm trọng về mặt sức khỏe hoặc khuyết tật của người xin thị thực, công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị **nhất thiết** phải tự mình chăm sóc người xin thị thực.

2.3.4. Khi người xin thị thực là con của vợ/chồng hoặc của người có quan hệ chung sống như vợ/chồng với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị, cần phải **chứng minh thêm**:

2.3.4.1. Quan hệ vợ/chồng hay quan hệ chung sống như vợ/chồng của những người này (xem các mục 2.1 và 2.2)

2.3.4.2. Chứng minh những người này hiện chưa ly hôn với nhau hay đang có chồng/vợ khác hay đang ly thân với nhau, hoặc đã hủy đăng ký sống chung như vợ/chồng.

2.3.4.3. Thư của công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị yêu cầu cấp thị thực theo chế độ cộng đồng châu Âu cho con của vợ/chồng của mình.

2.4. <u>Bố mẹ</u>:

2.4.1. **Giấy khai sinh** của người con/cháu mang quốc tịch châu Âu thuộc diện áp dụng của Chỉ thị, hoặc của vợ/chồng hay người chung sống như vợ/chồng của người này.

2.4.2. Nếu là bố, mẹ của vợ/chồng hoặc của người có quan hệ chung sống như vợ/chồng của công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị: **phải chứng minh** mối quan hệ vợ/chồng hay quan hệ chung sống như vợ/chồng của những người này (xem các mục 2.1 và 2.2), **cũng như** chứng minh những người này hiện chưa ly hôn với nhau hay đang có chồng/vợ khác hay đang ly thân với nhau, hoặc đã hủy đăng ký sống chung như vợ/chồng.

2.4.3. **Trong mọi trường hợp đều bắt buộc phải nộp thêm** các giấy tờ chứng minh sự **phụ thuộc kinh tế hoặc phụ thuộc vì lý do bệnh nặng hoặc khuyết tật** đối với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị :

2.4.3.1. **Phụ thuộc kinh tế**: Chứng minh rằng, ít nhất trong vòng một năm trở lại đây, công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị hoặc vợ/chồng/người có quan hệ chung sống như vợ/chồng của công dân này, đã chuyển khoản hoặc đã chi trả chi phí cho người xin thị thực với số tiền đủ để hiểu rằng trên thực tế có sự phụ thuộc về kinh tế. Việc phụ thuộc này phải mang tính **thiết yếu** và vì vậy những trợ giúp kinh tế thi thoảng và không thường xuyên sẽ không được tính đến. Việc phụ thuộc này cũng phải xảy ra tại thời điểm nộp đơn xin thị thực.

Cam kết đơn thuần của công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị hoặc của vợ/chồng hay người sống chung như vợ/chồng của người này về việc sẽ chịu mọi trách nhiệm kinh tế đối với người xin thị thực không chứng minh được là sự phụ thuộc kinh tế trên thực tế và vì vậy là không đủ.

Những cách chứng minh sự phụ thuộc kinh tế thường gặp nhất là việc chuyển tiền hoặc chuyển khoản ngân hàng. Có thể hiểu rằng người xin thị thực có phụ thuộc kinh tế đối với công dân cộng động châu Âu nếu chứng minh được rằng ít nhất trong vòng một năm trở lại đây đã chuyển tiền hoặc đã chi trả cho người xin thực thực một khoản ít nhất bằng 51% chỉ số GDP bình quân đầu người của Việt Nam (*năm 2019, GDP bình quân đầu người của Việt Nam là 2.776$).*

Trong mọi trường hợp, việc gửi tiền không phải là đủ để chứng minh việc phụ thuộc kinh tế, vì các khoản chuyển tiền có thể có nhiều lý do và không nhất thiết là để chi trả các khoản chi tối thiểu hay chỉ chuyển tiền nhằm mục đích chứng minh không trung thực việc phụ thuộc kinh tế. **Để đánh giá việc phụ thuộc kinh tế, Đại sứ quán sẽ luôn xem xét tình trạng kinh tế và xã hội và các hoàn cảnh cá nhân của thân nhân phụ thuộc** (*chứng minh thu nhập, tình trạng công việc, tài sản sở hữu hay tài sản cho thuê, có thân nhân khác ở cùng nước cư trú hay không và hoàn cảnh kinh tế của những người này, mối quan hệ mật thiết với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị để xác định việc cần thiết phải đoàn tụ tại Tây Ban Nha với công dân này, ngày bắt đầu chịu phụ thuộc kinh tế với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị và lý do tại sao lại phụ thuộc bắt đầu từ ngày đó và trước ngày đó thì làm thế nào để có thể chi trả các nhu cầu tối thiểu, v.v.).*

2.4.3.2. **Phụ thuộc vì lý do nghiêm trọng về mặt sức khỏe hoặc khuyết tật**: Các giấy tờ chứng minh được rằng vì các lý do nghiêm trọng về mặt sức khỏe hoặc khuyết tật của người xin thị thực, công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị **nhất thiết** phải tự mình chăm sóc người xin thị thực.

.

2.5. <u>Thành viên gia đình của công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị không phải là một trong những trường hợp đã liệt kê ở trên (**thành viên gia đình mở rộng**)</u>:

2.5.1. Giấy tờ chứng minh **quan hệ gia đình**

2.5.2. Giấy tờ chứng minh người xin thị thực thuộc **một trong các trường hợp** sau:

2.5.2.1. Chứng minh rằng người xin thị thực, tại nước mà mình cư trú, có phụ thuộc kinh tế hoặc sống chung với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị.

2.5.2.1.1. **Phụ thuộc kinh tế**: Chứng minh rằng, ít nhất trong vòng một năm trở lại đây, công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị đã chuyển khoản hoặc đã chi trả chi phí cho người xin thị thực với số tiền đủ để hiểu rằng trên thực tế có sự phụ thuộc về kinh tế.

2.5.2.1.2. **Phụ thuộc thực thể**: Chứng minh rằng người xin thị thực sống chung với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị ở nước sở tại. Các bằng chứng rõ ràng về việc sống chung trong vòng 24 tháng liên tiếp tại nước sở tại là cơ sở đủ để chứng minh việc phụ thuộc thực thể này.

Trong trường hợp là cháu nội/ngoại, không chấp nhận việc một trong hai bố mẹ đẻ nhường lại hoặc ủy quyền đối với quyền làm cha mẹ, vì việc nhường quyền làm cha mẹ này không có giá trị pháp lý tại Tây Ban Nha và đi ngược lại với trật tự công của Tây Ban Nha. Tuy nhiên, nếu là cháu chịu sự phụ thuộc vào ông bà vì bố mẹ mất hoặc bị tước quyền

làm cha mẹ và ông bà là những người đại diện hợp pháp cho cháu thì có thể xem xét được.

Bố/mẹ mang quốc tịch của nước thứ ba của các trẻ là công dân của các nước thuộc diện áp dụng của Chỉ thị có thể xin thị thực theo chế độ cộng đồng châu Âu cho cả các mục đích lưu trú (khi đi cùng trẻ hoặc sang gặp trẻ vì lý do du lịch, thăm thân, thực hiện quyền thăm nuôi khi trẻ cư trú tại Tây Ban Nha) và cả các mục đích cư trú (khi những người này là thành viên của một gia đình cùng chung sống với nhau và việc từ chối thị thực sẽ đồng nghĩa với việc trẻ không thể sang hoặc cư trú tại Tây Ban Nha).

2.5.2.2. **Phụ thuộc vì lý do nghiêm trọng về mặt sức khỏe hoặc khuyết tật**: Các giấy tờ chứng minh được rằng vì các lý do nghiêm trọng về mặt sức khỏe hoặc khuyết tật của người xin thị thực, công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị **nhất thiết** phải tự mình chăm sóc người xin thị thực. Phải thỏa mãn cả hai điều kiện sau:

2.5.2.2.1. Hoàn cảnh phụ thuộc vì lý do bệnh nặng.

2.5.2.2.2. việc công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị hoặc vợ/chồng hay người sống chung như vợ/chồng của công dân này bắt buộc phải trực tiếp chăm sóc thân nhân này và việc từ chối thị thực sẽ dẫn tới hệ quả là công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị hoặc vợ/chồng hay người sống chung như vợ/chồng của công dân này buộc phải rời bỏ lãnh thổ châu Âu để về chăm sóc thân nhân này.

2.5.3. Người sống chung như vợ/chồng **nhưng không đăng ký**: có thể hiểu có một mối quan hệ bền vững nếu đưa ra được các bằng chứng không thể bác bỏ được về việc chung sống như vợ/chồng trong vòng ít nhất là một năm liên tiếp, trừ trường hợp có con chung. Trong trường hợp này chỉ cần chứng minh có chung sống ổn định.

Cũng có thể coi là có quan hệ chung sống như vợ/chồng nếu hai người không có con chung và khoảng thời gian chung sống này ít hơn một năm nhưng có các bằng chứng xác đáng về các hoàn cảnh đặc biệt làm gián đoạn việc sống chung này (thuyên chuyển nơi cư trú vì lý do công việc, chiến tranh, bệnh tật, v.v.) hoặc có nhiều giai đoạn sống chung dưới một năm nhưng cộng gộp lại thì tổng thời gian là trên một năm, hoặc khi tổng hợp các hoàn cảnh cá nhân của hai người lại có thể đưa tới kết luận không thể nghi ngờ về việc hai người thực sự có mối quan hệ chung sống ổn định như vợ/chồng.

Về các phương thức để chứng minh việc sống chung này, có thể nộp bất kỳ giấy tờ nào, ví dụ như việc đồng đứng tên tài khoản ngân hàng hay bất động sản hay thế chấp bất động sản, đồng đứng tên hợp đồng thuê nhà, đăng ký cư trú, v.v., và **có thể có phỏng vấn**.

3. **Giấy tờ chứng minh người xin thị thực đi cùng với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị hoặc đoàn tụ với công dân này**:

3.1. Trường hợp người xin thị thực đi cùng với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị : **đặt vé máy bay cùng chuyến đi của cả hai**

3.2. Trường hợp người xin thị thực đi đoàn tụ với công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị :

3.2.1.**đặt vé máy bay của người xin thị thực**

3.2.2.**tuyên thệ lập trước Công chứng viên** của công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị trong đó nêu rõ việc người xin thị thực sang Tây Ban Nha để đoàn tụ với công dân này.

CÁC LƯU Ý QUAN TRỌNG:

1. Xin nhớ rằng bất kỳ giấy chứng nhận hay văn bản công nào được cấp bởi các cơ quan không phải của Tây Ban Nha đều phải được hợp pháp hóa lãnh sự (hoặc, trong trường hợp nước cấp là thành viên của Công ước La Hay về Apostille thì các văn bản này phải được đóng dấu Apostille) và nộp kèm bản dịch sang tiếng Tây Ban Nha. Vui lòng tham khảo các nội dung về hợp pháp hóa lãnh sự và Apostille và dịch thuật để biết thêm thông tin chi tiết.

2. Nếu thân nhân của công dân thuộc diện áp dụng của Chỉ thị hoặc vợ/chồng hay người sống chung như vợ/chồng của công dân này đi sang Tây Ban Nha mà không đi cùng với công dân này hay với mục đích để gặp công dân này tại Tây Ban Nha (ví dụ như đi vì lý do công tác) thì sẽ phải xin thị thực ngắn hạn bình thường (không phải thị thực theo chế độ cộng đồng châu Âu) và phải nộp tất cả các giấy tờ liên quan tới loại thị thực này. Loại thị thực này không được xét duyệt ưu tiên cũng không miễn lệ phí.

3. Việc cấp thị thực theo chế độ cộng đồng châu Âu không đồng nghĩa với quyền tuyệt đối được nhập cảnh hay quyền được lưu trú tại Tây Ban Nha, vì việc thực thi hai quyền này sẽ thuộc thẩm quyền xét duyệt của các cơ quan chức năng và cũng có khả năng bị từ chối nhập cảnh tại biên giới hay từ chối cho cư trú vì lý do trật tự công, an ninh công hay y tế công.

4. Việc xét các điều kiện để được cấp phép cư trú tại Tây Ban Nha là thuộc thẩm quyền của Sở Ngoại kiều khi đương sự nộp đơn xin cư trú tại Tây Ban Nha và vì thế, thị thực theo chế độ cộng đồng châu Âu không đồng nghĩa với việc đương nhiên có quyền cư trú tại Tây Ban Nha. Trong trường hợp không đưa ra được các bằng chứng xác đáng về việc thỏa mãn các điều kiện pháp lý, người nước ngoài có thể bị từ chối cấp phép cư trú.